

Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ

*Bắc Sơn, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Công Đức

*Thư ký phiên họp:* Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp:* Bà Lương Thị Mai Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Triệu Thị H, sinh năm 1978; trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Công N, sinh năm 1972; trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quang Phiệt - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu ngày 08 tháng 11 năm 2021, quá trình tố tụng người yêu cầu bà Triệu Thị H trình bày:

Bà Triệu Thị H kết hôn với ông Dương Công N vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chung sống với nhau tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đến năm 2016 vợ chồng bà Triệu Thị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, làm ăn thua lỗ nên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng bà Triệu Thị H và ông Dương Công N vẫn không thể chung sống, hàn gắn được nữa. Bà Triệu Thị H đã sống ly thân với ông Dương Công N từ khoảng năm 2017 cho đến nay. Tuy nhiên năm 1994 Bà Triệu Thị H đi đăng ký kết hôn với ông Dương Công N thì bà H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn. Vì thiếu hiểu biết pháp luật bà H đã khai tăng tuổi từ sinh năm 1978 thành sinh năm 1977 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau đó, bà H được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/12/1994. Nay bà H xác định tình cảm không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Dương Công N.

Quá trình chung sống bà Triệu Thị H và ông Dương Công N có 02 người con chung tên là Dương Công H, sinh ngày 27/10/1997 và Dương Công H1, sinh ngày 21/10/2012. Khi yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật bà Triệu Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Công H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông Dương Công N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Dương Công H hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Công N có ý kiến trình bày như sau:*

Ông Dương Công N kết hôn với bà Triệu Thị H vào năm 1994 có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/12/1994. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chung sống với nhau tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng bình thường, không có gì mâu thuẫn. Đến năm 2016 vợ chồng ông N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng ông Dương Công N và bà Triệu Thị H vẫn không thể chung sống, hàn gắn được nữa. Bà Triệu Thị H đã về nhà Ngoại sống từ khoảng năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Tuy nhiên năm 1994 Bà Triệu Thị H đi đăng ký kết hôn với ông Dương Công N thì bà H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn còn ông N đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn. Do ông N cũng thiếu hiểu biết pháp luật nên cùng bà H đi đăng ký kết hôn, bà H đã khai tăng tuổi từ sinh năm 1978 thành sinh năm 1977 để được đăng ký kết hôn. Nay xác định tình cảm không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng bà Triệu Thị H có yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Dương Công N thì ông Dương Công N cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật với bà Triệu Thị H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Dương Công H, sinh ngày

27/10/1997 và Dương Công H1, sinh ngày 21/10/2012. Khi yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ông Dương Công N nhất trí cho bà Triệu Thị H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Công H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Dương Công H hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn có ý kiến như sau:*

Qua kiểm tra, rà soát sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn thấy: Ngày 06/12/1994 Ủy ban nhân dân xã T đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Dương Công N, sinh tháng 6/1972 và bà Triệu Thị H, sinh tháng 4/1977. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà H đã tự khai tuổi của mình thành sinh tháng 4 năm 1977 để đủ tuổi đăng ký kết hôn với ông Dương Công N nên tại thời điểm đăng ký bà Triệu Thị H đã khai đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, do cán bộ tư pháp không kiểm tra nên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho bà H, ông N. Tuy nhiên, nay đối chiếu với căn cước công dân, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của bà Triệu Thị H xác định được bà Triệu Thị H có ngày tháng năm sinh là ngày 19/5/1978 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Triệu Thị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, do đó việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã T là có sai sót. Nay bà Triệu Thị H có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tham gia phiên họp có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, được xem xét làm rõ tại phiên họp nhận thấy yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận: Tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Triệu Thị H và ông Dương Công N. Về con chung: có 02 người con chung tên là Dương Công H, sinh ngày 27/10/1997 và Dương Công H1, sinh ngày 21/10/2012 giao con chung Dương Công H1 cho bà Triệu Thị H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Dương Công H hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Về lệ phí: Bà Triệu Thị H phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn nhận định như sau:

### [1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Triệu Thị H và ông Dương Công N có nơi cư trú tại Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 1994 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/12/1994. Đến ngày 08/11/2021 bà Triệu Thị H yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Triệu Thị H và ông Dương Công N, giữa các đương sự không có sự tranh chấp nên đây là việc dân sự và Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi xem xét, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của Pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật không”*. Bà Triệu Thị H và ông Dương Công N kết hôn ngày 06/12/1994 nên áp dụng Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét giải quyết.

### [2] Về nội dung vụ việc:

Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Triệu Thị H thấy rằng bà Triệu Thị H và ông Dương Công N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/12/1994.

Tại các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn; tài liệu do người yêu cầu cung cấp bao gồm: Sổ hộ khẩu gia đình; căn cước công dân; giấy khai sinh... căn cứ bản khai của các đương sự; biên bản lấy lời khai trong hồ sơ việc dân sự xác định ngày tháng năm sinh chính xác của bà Triệu Thị H sinh ngày 19/5/1978. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ việc các đương sự đã thừa nhận do thiếu hiểu biết pháp luật, hai bên đều nguyện vọng được chung sống với nhau nên khi làm thủ tục đăng ký kết hôn bà Triệu Thị H đã khai sai ngày tháng năm sinh để được đăng ký kết hôn. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 06/12/1994) bà Triệu Thị H mới 16 tuổi 06 tháng 17 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Đồng thời, căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu*

*công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”. Như vậy, bà Triệu Thị H có yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận.*

Về con chung: Có 02 người con chung, con thứ nhất tên là Dương Công H, sinh ngày 27/10/1997 đã trưởng thành bà H, ông N không yêu cầu giải quyết; con thứ hai là Dương Công H1, sinh ngày 21/10/2012, hiện nay đang ở cùng bà Hạnh, bà Triệu Thị H và ông Dương Công N thỏa thuận: Bà Triệu Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Công H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng bà H nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bà Triệu Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Công H1.

Về tài sản chung: Bà Triệu Thị H và ông Dương Công N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Triệu Thị H phải chịu tiền lệ phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 11, Điều 12, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Triệu Thị H.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Triệu Thị H và ông Dương Công N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/12/1994 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Triệu Thị H và ông Dương Công N. Bà Triệu Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung Dương Công H1 sinh ngày 21/10/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Dương Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Dương Công N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về lệ phí: Bà Triệu Thị H phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bà Triệu Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí theo Biên lai thu số AA/2021/0002644 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện Bắc Sơn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Công Đức**